TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2020.
V/v: " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG – TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Bà Trần Thị Khanh; Ông Hoàng Hồng Hà.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà***: Bà Tống Thị Ngọc A - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1988.(Có mặt)

Địa chỉ: thị trấn Cẩm G, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Đình Th, sinh năm 1988.(Vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn Cẩm G, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1958. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn Cẩm G, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Trịnh Đình Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 10 năm 2008 tại UBND thị trấn Cẩm Giàng (nay là Cẩm G), huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, chị Tr về chung sống cùng anh Th

và gia đình nhà chồng ở thị trấn Cẩm G. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th thường xuyên đi ra ngoài và rất ít khi về nhà, không quan tâm đến vợ con. Anh chị đã nói chuyện với nhau nhiều lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, chị đề nghị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là G, sinh ngày 16/4/2008 và A, sinh ngày 01/10/2009. Cả hai con chung đang sống cùng anh Th và bà Q. Khi ly hôn, chị Tr đề nghị được nuôi cháu A, giao cháu G cho anh Th nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện tại chị Tr đã thuê nhà ở Khu 3, thị trấn Cẩm G để ở và kinh doanh. Thu nhập bình quân 14.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị Tr không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn – anh Th đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc. Anh có bản tự khai gửi đến Tòa án trình bày: Anh Th thống nhất với chị Tr về điều kiện kết hôn. Theo anh Th, nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Hiện tại anh chị đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn chị Tr.

Về con chung: Anh Th và chị Tr có hai con chung như chị Tr trình bày. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu G, giao cháu A cho chị Tr nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng – bà Hoàng Thị Q trình bày: Bà Q là mẹ đẻ của anh Th. Sau khi anh Th và chị Tr kết hôn, anh chị ở cùng nhà với bà. Quá trình chung sống, bà thấy chị Tr rất ngoan, mẹ con không có mâu thuẫn gì. Anh Th và chị Tr có mâu thuẫn với nhau lâu rồi. Nguyên nhân là do anh Th làm nghề lái xe, thường xuyên phải đi làm xa. Chị Tr nghi ngờ anh Th có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà Q đã động viên anh chị nhiều lần nhưng chị Tr vẫn muốn ly hôn anh Th. Các văn bản tố tụng của Tòa án giao, bà đã nhận và đều giao lại cho anh Th. Anh Th có nói với bà là anh Th đồng ý ly hôn. Anh Th và chị Tr có hai con chung. Cả hai cháu đang ở cùng bà. Chị Tr vẫn thường xuyên về nhà với các con.

Cháu A có nguyện vọng được ở với chị Tr, cháu G có nguyện vọng ở với anh Th.

Kết quả xác minh tại địa phương: Anh Th và chị Tr cư trú tại thị trấn Cẩm G. Anh Th đi làm ăn xa nhưng thường xuyên về nhà. Địa phương không nắm được mâu thuẫn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của anh chị. Tuy nhiên, chị Tr đã về nhà ngoại ở mấy tháng nay, nguyên nhân có thể là do anh Th thường đi làm ăn xa, ít về nhà. Anh chị có hai con chung. Cả hai cháu đều đang ở cùng anh Th và bà Q. Công việc và thu nhập

của anh chị, địa phương không nắm được. Chị Tr vẫn thường xuyên qua nhà bà Q thăm nom con.

Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án do chị Tr yêu cầu Tòa án không hòa giải vụ án và anh Th vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn anh Th vì vợ chồng mâu thuẫn đã lâu và không còn tình cảm với nhau. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung là A, giao cháu G cho anh Th. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Th vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 , Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh Th. Về con chung: Giao con chung là G, sinh ngày 16/4/2008 cho anh Th, giao con chung là A, sinh ngày 01/10/2009 cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh Th chị Tr không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn đã được tranh tụng tại phiên tòa, bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:*** Anh Trịnh Đình Th đã được tống đạt các văn bản tố tụng; Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Anh Th không đến Toà án làm việc, không tham gia phiên toà tức là anh đã tự từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của anh khi tham gia tố tụng.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Trịnh Đình Th kết

hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 10 năm 2008 tại UBND thị trấn Cẩm Giàng (nay là Cẩm G), huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Như vậy, hôn nhân giữa chị Tr và anh Th là hợp pháp.

Anh chị chung sống được gần 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau; Anh Th ít khi về nhà, không quan tâm đến vợ con,. Anh chị đã nói chuyện với nhau nhiều lần, gia đình hai bên đã khuyên can nhưng không giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị Tr xin ly hôn, anh Th đồng ý.

Lời khai của chị Tr và anh Th về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng, cung cấp của địa phương và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực trạng hôn nhân của chị Tr và anh Th thể hiện mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Th là có thật và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị Tr và anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. ***Về con chung:*** Anh chị có hai con chung là G, sinh ngày 16/4/2008 và A, sinh ngày 01/10/2009.

Hội đồng xét xử thấy chị Tr và anh Th đều có điều kiện về kinh tế và chỗ ở cũng như các điều kiện khác để nuôi con. Cháu A có nguyện vọng được ở với chị Tr, cháu G có nguyện vọng ở với anh Th. Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo cho các cháu ổn định về tâm lý cũng như học tập. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của anh chị. Khi ly hôn, giao con chung là A cho chị Tr, giao con chung là G cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian giao con từ tháng 12 năm 2020 đến khi con chung thành niên; Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp các quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4]. ***Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung, công sức chung:*** Chị Tr và anh Th không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. ***Về án phí:*** Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147. Khoản 2 Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Trịnh Đình Th thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Khi ly hôn, giao con chung là A, sinh ngày 01/10/2009 cho chị Tr, giao con chung là G, sinh ngày 16/4/2008 cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Thời gian giao con từ tháng 12 năm 2020 đến khi các con chung thành niên; Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000167 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị Tr đã thi hành xong tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm G;
- Chi cục thi hành án huyện Cẩm Giàng;
- UBND TT Cẩm G;
- Các đương sự;
- Lưu VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Khanh **Hoàng Hồng Hà** **Phạm Thúy Hằng**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI D- ƠNG
TỈNH HẢI D- ƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Hải D□ơng, ngày 30 tháng 12 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI D- ƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thúy Hằng.**

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan và ông **Lê Văn C-**

Vào hồi …. giờ ….. phút ngày 30 tháng 12 năm 2016, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình, giữa nguyên đơn chị Lê Thị Th- ơng và bị đơn anh Cao Duy H- ng**.**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đ- ơng sự, đại diện viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử thảo luận và thống nhất 100%, biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 8 Điều 27 - Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thương và anh Cao Duy Hưng.

2. Về quan hệ con chung: Khi ly hôn, giao cháu Cao Thị Tố Như, sinh ngày 15/9/2011 cho anh Cao Duy Hưng; giao cháu Cao Nguyên Phúc, sinh ngày 04/01/2014 cho chị Lê Thị Thương trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 01 năm 2017 đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Chị Thương, anh Hưng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và đều được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để gây cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thương phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị Thương đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/006380 ngày 06/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương, chị Thương đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biên bản lập xong vào hồi …. giờ …. phút cùng ngày. Các thành viên hội đồng xét xử cùng đọc lại nhất trí ký tên.

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà.**